



CÔNG KHAI VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT NĂM 2022

1. Các cơ sở đào tạo

STT	Cơ sở đào tạo	Loại hình đào tạo	Địa điểm	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)
1	Cơ sở Tân Phong	Cơ sở đào tạo chính	Tp.HCM	228301 m ²	51368 m ²
2	Cơ sở Bình Thạnh	Khác	Tp.HCM	2870 m ²	1179 m ²
3	Cơ sở Nha Trang	Phân hiệu	Nha Trang	29189 m ²	5047 m ²
4	Cơ sở Bảo Lộc	Khác	Lâm Đồng	471201 m ²	2514 m ²
5	Cơ sở Cà Mau	Khác	Chưa triển khai đào tạo, đang có kế hoạch chuyển đổi chức năng		
6	Cơ sở An Giang	Khác	Chưa triển khai đào tạo, đang có kế hoạch phát triển		

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của trường: **731.561m²**
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: **5.881** chỗ; gồm có TP.HCM **4772** chỗ, Bảo Lộc **429** chỗ, Nha Trang **680** chỗ.
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: **9,54 m²/SV**

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	642	88.479
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	15	7.000
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	79	8.150
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	168	21.556
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	214	21.065
1.5	Số phòng học đa phương tiện	16	3.003
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	150	27.705
2	Thư viện, trung tâm học liệu	3	11.180
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	108	145.045